

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2021/HC-PT

Ngày 26 - 4 - 2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước  
về đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đức Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tưu.

Ông Lê Thành Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 644/2020/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Đậu Bá L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 23 đường T, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Địa chỉ: Số 04, đường T, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Phạm S; Chức vụ: Phó chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền số 364/UBND-TD ngày 18/01/2021- vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 02, đường T, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 02, đường T, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Đ:* Ông Võ Ngọc T; Chức vụ: Phó chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền số 7445/UNND ngày 09/12/2019 - vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Đ:* Ông Nguyễn Đức T; Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công an tỉnh L.

Địa chỉ: Số 10, đường T, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu T; Chức vụ: Phó trưởng phòng Hậu cần (Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 07/5/2020-vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 23, đường T, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Người kháng cáo:** Người khởi kiện, ông Đậu Bá L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện, ông Đậu Bá L trình bày:*

Năm 1989, ông L tốt nghiệp Trường Đại học Cảnh sát nhân dân và trở về đơn vị công tác là Công an tỉnh L, được cơ quan bố trí ở tập thể tại số 12 Y, phường 5, thành phố Đ (số 12 Y). Do vị trí ở là tầng hầm ẩm thấp, mục nát nên con cái thường xuyên đau ốm. Vì vậy, trong quá trình sinh sống, ông L thấy phần đất bên hông, phía sau bỏ hoang, sinh lầy, cây cỏ mọc nên đã viết đơn xin cấp đất làm nhà phần đất này vào tháng 03/1991 gửi Ban Giám đốc Công an tỉnh, UBND phường 5, Phòng Xây dựng thành phố Đ và được các cơ quan trên xác nhận, chuyển cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết. Sau đó, gia đình ông L đã tiến hành khai phá, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà lợp tôn để ở từ đó đến nay. Năm 2007, ông L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) và đến ngày 14/4/2008 thì UBND thành phố Đ đã cấp giấy CNQSDĐ số AM 508330 cho ông L và vợ là bà Nguyễn Thị L tại số 12 Y, phường 5, thành phố Đ, với diện tích là 81,76m<sup>2</sup>, thửa 464, tờ bản đồ số 25. Quá trình sử dụng ông L, bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế tại địa phương.

Tháng 8/2011, UBND thành phố Đ có mời gia đình ông lên làm việc để xác định mốc ranh giới lô đất giữa gia đình ông và Công an tỉnh L. Trong quá trình sử dụng đất, do nhà ở xuống cấp cần phải sửa chữa, xây dựng lại nên ngày 18/10/2018, ông L trực tiếp đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ thì mới biết UBND thành phố Đ có Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ số AM 508330, với lý do toàn bộ diện tích thửa 464 đã được UBND tỉnh L cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh L theo Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996. Không đồng ý, ông L khiếu nại và ngày 02/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 4282/QĐ-UBND, có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông.

Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3346/QĐ-UBND của UBND thành phố Đ; hủy Quyết định số 4282/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đ và hủy một phần Quyết định số 45/QĐ-UB ngày của UBND tỉnh L. Ông L cam đoan không đồng thời khiếu nại đến cơ quan hành chính liên quan về các nội dung đã khởi kiện nêu trên.

*Người bị kiện trình bày:*

*Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ thống nhất trình bày:*

Ngày 27/5/2011, Công an tỉnh Lâm Đồng có công văn số 278/CAT-PH41 gửi UBND thành phố Đ về việc đề nghị xác định ranh giới, diện tích đất cấp giấy CNQSDĐ tại nhà số 12 Y. Ngày 02/6/2011, UBND thành phố Đ có văn bản số 2196/UBND về việc kiểm tra, xác định ranh giới nhà đất số 12 Y, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp cùng Công an tỉnh Lâm Đồng, UBND phường 5 và các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ, xác định lại ranh giới, diện tích đất đã cấp cho ông L, bà L và nhà đất của Công an tỉnh quản lý tại nhà số 12 Y.

Sau khi kiểm tra, xác minh toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan, ngày 03/8/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường có báo cáo số 387/BC-TN-MT về việc kết quả kiểm tra xác minh hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ ở tại số 12 Yagout, phường 5, với nội dung: “...Việc Công an tỉnh Lâm Đồng cho phép và xác nhận cho hộ ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L được làm nhà ở trên 1 phần diện tích thuộc khuôn viên khu nhà tập thể của Công an tỉnh Lâm Đồng năm 1991 và dẫn đến việc cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy CNQSDĐ ở cho hộ ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L năm 2008 là không đúng quy định vì toàn bộ diện tích nhà số 12 Y, phường 5, thành phố Đ thuộc đất an ninh quốc phòng do Bộ Công an giao cho Công an tỉnh Lâm Đồng quản lý sử dụng đúng mục đích là khu nhà tập thể của cán bộ Công an tỉnh Lâm Đồng, được UBND tỉnh giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 và theo nội dung công văn số 1171/TTg-KTN ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ thì diện tích nhà đất hiện hộ ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L đang trực tiếp quản lý sử dụng tại 12 Y, phường 5, thành phố Đ nằm trong phương án sắp xếp lại, xử lý lại nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước của Công an tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị Công an tỉnh Lâm Đồng chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, xác minh hiện trạng nhà đất, lập phương án tính toán đền bù, hỗ trợ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và tái định cư cho các hộ, trong đó có hộ ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L...”.

Ngày 15/8/2011, UBND thành phố Đ có văn bản số 3430/UBND về việc trả lời công văn số 278/CAT-PH41 của Công an tỉnh Lâm Đồng, trong đó giao Thanh tra thành phố Đà Lạt tiến hành thẩm tra việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông L, bà L tại số 12 Y, trình UBND thành phố Đ ban hành Quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ theo đúng quy định hiện hành.

Ngày 24/8/2011, Thanh tra thành phố Đà Lạt chủ trì phối hợp cùng các đơn vị có liên quan đến việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông L, bà L tại số 12 Y tiến

hành làm việc. Tại buổi làm việc, đại diện UBND phường 5 có ý kiến: Căn cứ các giấy tờ có liên quan đến việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông L, bà L cho thấy ông L có tác động thửa 464, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 12 Y. Trình tự thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đối với ông L là đúng quy định và có xác nhận đồng ý của Công an tỉnh Lâm Đồng. Việc các cơ quan chức năng tham mưu cho UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông L, bà L căn cứ xác nhận vị trí lô đất xin cấp đất làm nhà ở đối với ông L được ông Nguyễn Tấn Cường là Phó Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng ký xác nhận vào ngày 26/4/2004 với nội dung: “...Nhà ở nằm sau nhà 12 Y, phường 5, thành phố Đà Lạt đã xây dựng nhà tạm để ở, quay về hướng đường Trần Nhật Duật, cơ quan chúng tôi không quản lý. Kính chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết”. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng tham mưu cho UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông, Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L là do sơ suất không kiểm tra kỹ diện tích xét cấp cho hộ ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh với diện tích xét cấp là 31.286,70m<sup>2</sup> đất chuyên dùng, trong đó có diện tích của ông L đang sử dụng tại số 12 Y, phường 5, thành phố Đà Lạt”. Ngoài ra, tại buổi làm việc Thanh tra thành phố Đà Lạt đề nghị Công an tỉnh kiểm tra lại việc xác nhận vào hợp đồng vị trí thửa đất ngày 26/4/2004. Ngày 29/8/2011, Công an tỉnh Lâm Đồng có công văn phúc đáp số 587/CAT-PH41 gửi Thanh tra thành phố Đà Lạt với nội dung: “...Chữ ký và đóng dấu của Đại tá Nguyễn Tấn Cường Phó Giám đốc Công an tỉnh, Phụ trách khối Cảnh sát, người được phân công phụ trách khối xây dựng lực lượng hậu cần thời điểm tháng 4/2004 là đồng chí Dương Hiền Đ, nguyên Phó Giám đốc Công an tỉnh, phụ trách khối xây dựng hậu cần”.

Qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, bà L và các giấy tờ có liên quan thể hiện: Diện tích theo bản đồ thửa đất được trích lục tại UBND phường 5 ngày 22/7/2005 thể hiện thửa đất số 5, tờ bản đồ C69-IV-C-a tại địa chỉ 12 Yagout có diện tích 498,1m<sup>2</sup> (trong đó, có diện tích 81,76m<sup>2</sup> đất ở thuộc 1 phần thửa đất số 05 (thửa mới số 464), tờ bản đồ số 25, phần diện tích này UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ ở số AM 508330 cho ông L, bà L. Theo Quyết định số 1171/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ, tại phần biểu tổng hợp các cơ sở nhà đất, chuyển nhượng của Công an tỉnh Lâm Đồng thể hiện khu tập thể Công an tỉnh Lâm Đồng địa chỉ 12 Y, có diện tích là 498,1m<sup>2</sup>.

Ngày 28/9/2011, Thanh tra thành phố Đà Lạt có báo cáo số 216/BC-TTtr về kết quả thẩm tra hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, bà L tại thửa 464, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 12 Y, với nội dung: “...Ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ ở số AM 508330 cho ông L, bà L vào ngày 14/4/2008 tại thửa 464, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 12 Yagout, phường 5, thành phố Đà Lạt vì toàn bộ phần diện tích đất nói trên đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996. Đề nghị Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, xác minh hiện trạng nhà đất và lập phương án tính toán đền bù hỗ trợ thu hồi đất, tái định cư cho hộ ông L, bà L theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công

*văn số 1171/TTg-KTN ngày 13/7/2010 và Kết luận số 249/KL-TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng ngày 12/9/2008”.*

Ngày 18/10/2011, UBND thành phố Đà Lạt có văn bản số 4600/UBND về việc thẩm tra hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông L, bà L, trong đó giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt tham mưu cho UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ số AM 508330 vì toàn bộ diện tích nói trên đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 45/QĐ-UB. Đề nghị Công an tỉnh Lâm Đồng chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, xác minh hiện trạng nhà đất và lập phương án tính toán đền bù hỗ trợ thu hồi đất, tái định cư cho hộ ông L, bà L theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1171/TTg-KTN ngày 13/7/2010 và Kết luận số 249/KL-TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng ngày 12/9/2008.

Xét Tờ trình số 1706-TTr-TNMT ngày 28/10/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 03/11/2011, UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 3346/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AM 508330. Việc ban hành quyết định số 3346/QĐ-UBND là đúng quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Không đồng ý với quyết định số 3346/QĐ-UBND, ông L có đơn khiếu nại. Ngày 02/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 4282/QĐ-UBND, không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L khiếu nại Quyết định số 3346/QĐ-UBND.

Do đó, UBND và Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Nhà, đất tại số 12 Y thuộc thửa đất số 339, diện tích 6.300m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 5 (đo đạc năm 1982 - 1983 theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ), có nguồn gốc do Nhà nước tiếp nhận, quản lý theo diện vắng chủ sau ngày 30/4/1975 và giao cho Công an tỉnh quản lý, sử dụng để làm nhà ở tập thể cho cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10/9/1996, Công an tỉnh Lâm Đồng có Công văn số 333/PV11, đề nghị cấp giấy CNQSDĐ đối với 13 cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt, trong đó có nhà, đất tại số 12 Y. Xét đề nghị của Sở Địa chính (Nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) tại Công văn số 1436/CV-ĐC ngày 09/12/1996, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng, tổng diện tích được cấp là 32.286,7m<sup>2</sup>, trong đó có nhà, đất tại số 12 Y là 338,25m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5, phường 5 và cấp giấy CNQSDĐ số H 033396 ngày 28/4/1997 cho Công an tỉnh Lâm Đồng.

Ranh giới nhà, đất tại số 12 Y có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường Trần Nhật Duật; phía Tây tiếp giáp đường Yaguo; phía Bắc giáp với nhà số 14; phía Nam giáp với phần đất còn lại của nhà số 12 Y. Về hiện trạng đất đai tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh chỉ có duy nhất công trình nhà ở của Công an tỉnh, không thể hiện công trình khác. Năm 1996, khi đo đạc bản đồ địa

chính chính quy thì nhà đất số 12 Y, thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 25 (C69-IV-C-a). Sổ mục kê thiết lập năm 1996, thể hiện thửa đất có diện tích 498,1m<sup>2</sup>; Sổ mục kê thiết lập năm 2008 (Số hóa bản đồ địa chính thành phố Đà Lạt), thể hiện: Thửa số 5, tờ bản đồ 25 có diện tích 497,8m<sup>2</sup>, theo số liệu kiểm kê thì thuộc loại đất trụ sở cơ quan, do Công an tỉnh Lâm Đồng quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy CNQSDĐ. Về quy hoạch sử dụng đất: Theo Quyết định số 556/QĐ-TTg ngày 22/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà, đất số 12 Y được phê duyệt là đất an ninh.

Như vậy, nhà, đất số 12 Y có nguồn gốc là đất an ninh do Công an tỉnh quản lý, sử dụng, nên việc UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 45/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ đối với nhà đất tại số 12 Y là đúng với nguồn gốc, diễn biến đất đai, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Công an tỉnh Lâm Đồng trình bày: Đề nghị Tòa án căn cứ vào các hồ sơ tài liệu, chứng cứ do UBND tỉnh Lâm Đồng cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Đậu Bá L. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; Điều 191; Điều 348; Điều 358; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Điều 18; Điều 27; Điều 28; Điều 31 của Luật Khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

**Tuyên Xử:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Bá L về yêu cầu hủy các Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt về việc giải quyết khiếu nại của ông Đậu Bá L; Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND thành phố Đà Lạt về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AM 508330 của ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L; Một phần Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng. Giấy CNQSDĐ số H 033396 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng ngày 28/4/1997 là đúng theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/8/2020, ông Đậu Bá L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông L giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Ông L công tác trong ngành Công an từ năm 1978. Năm 1980, công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 1983 đến 1989 học tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, sau đó về công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng cùng năm 1989 và được đơn vị bố trí cho ở tại tầng hầm nhà số 12 Y. Năm 1991, do có nhu cầu về chỗ ở nên Ông L đã làm đơn đề nghị xin cấp đất ở, được lãnh đạo đơn vị quản lý trực tiếp và lãnh đạo Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận. Sau đó, đơn xin cấp đất ở được chuyển cho UBND phường 5, Phòng Địa chính xem xét và ngày 14/4/2008, Ông L được UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 81,76m<sup>2</sup>, thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ 12 Y. Quá trình lập hồ sơ và cấp giấy CNQSDĐ, Phòng Địa chính đã tiến hành đo đạc thực địa, được Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận ranh giới đất giữa Công an tỉnh Lâm Đồng đang quản lý với phần đất cấp cho Ông L và trên phần đất này đã có căn nhà do Ông L làm từ năm 1991, gia đình Ông L ở cho đến nay.

Như vậy, việc cấp giấy CNQSDĐ của UBND thành phố Đà Lạt là đúng pháp luật. Việc UBND thành phố Đà Lạt thu hồi giấy CNQSDĐ tại Quyết định số 3346/QĐ-UBND với lý do cấp trùng lên diện tích đất đã cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng là không đúng. Khi thu hồi giấy CNQSDĐ, UBND thành phố Đà Lạt cũng không lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Do Quyết định số 3346/QĐ-UBND không đúng pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 4282/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt cũng không đúng pháp luật. Năm 1996, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 45/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh nhưng thực tế Ông L đã sử dụng đất, trên đất có nhà ở từ năm 1991, được UBND phường 5 xác nhận là không đúng.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bác yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định số 3349/QĐ-UBND, 4282/QĐ-UBND, 45/QĐ-UB là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ông L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy các quyết định bị khiếu kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt trình bày:

Năm 2008, UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ cho Ông L đối với diện tích 81,76m<sup>2</sup>, thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ 12 Y. Tuy nhiên, sau đó mới phát hiện diện tích 81,76m<sup>2</sup> này trùng với diện tích đất mà UBND tỉnh Lâm Đồng đã cấp cho Công an tỉnh. Kết quả kiểm tra, rà soát trình tự cấp giấy CNQSDĐ cho Ông L của Thanh tra thành phố Đà Lạt đã xác định UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ cho Ông L là không đúng pháp luật. Vì vậy, UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 3349/QĐ-UBND có nội dung thu hồi giấy CNQSDĐ là đúng pháp luật. Ông L khiếu nại nên Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 4282/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông L là đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:*

Tại Báo cáo số 387/BC-TNMT ngày 03/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo số 261/BC-TTr ngày 28/9/2011 của Thanh tra thành phố Đà Lạt đã xác định việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông L năm 2008 là không đúng pháp luật, cụ thể là diện tích đất cấp cho ông L trùng với diện tích đất do UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao cho Công an tỉnh quản lý tại Quyết định số 45/QĐ-UB vào năm 1996. Việc thu hồi giấy CNQSDĐ của UBND thành phố Đà Lạt là đúng pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ông Đậu Bá L kháng cáo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông L yêu cầu hủy: Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt; Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND thành phố Đà Lạt và một phần Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND thành phố Đà Lạt có nội dung thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AM 508330 của ông L, bà L. Ngoài ra, căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UB nêu trên, ngày 28/4/1997 UBND tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy CNQSDĐ số H 033396 cho Công an tỉnh Lâm Đồng đối với phần diện tích 338,25m<sup>2</sup>, thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ số 12 Yagout, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, Giấy CNQSDĐ số AM 508330 và Giấy CNQSDĐ số H 033396 phải được xem xét là quyết định hành chính có liên quan quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của các giấy CNQSDĐ này là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét Quyết định số 45/QĐ-UB và Giấy CNQSDĐ số H 033396 của UBND tỉnh Lâm Đồng, thấy rằng:

[3.1] Về trình thủ, thủ tục và thẩm quyền ban hành: UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 45/QĐ-UB là đúng quy định tại Điều 23, 36 Luật Đất đai năm 1993.

[3.2] Về nội dung Quyết định số 45/QĐ-UB và giấy CNQSDĐ số H 033396:



[3.2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Phiếu thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 008 (2), do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Lạt lập ngày 28/01/2008 (bút lục 113), thể hiện: Gia đình ông Lĩnh sử dụng 81,76m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ 25 (C69-IV-c-a) tại địa chỉ số 12 Y; Loại đường/khu vực: Loại 3 (đường T; Loại đất: Quy hoạch đất ở; Mục đích sử dụng đất: Để ở; Trên đất có nhà cấp 4B, diện tích 47,32m<sup>2</sup>, có nguồn gốc do ông L tự xây dựng từ năm 1991. Tờ trình số: 013 (1) TT-TNMT ngày 14/3/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt (bút lục 109), có nội dung đề nghị UBND thành phố Đà Lạt cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, về đất ở: Diện tích 81,76m<sup>2</sup>, thửa đất số 464, tờ bản đồ số 25; Tài sản trên đất (nhà ở): Diện tích xây dựng 47,32m<sup>2</sup>. Kèm theo Tờ trình là: Đơn xin cấp đất làm nhà được UBND Phường 5 xác nhận ngày 16/4/1991; Hộ khẩu cấp ngày 15/10/1993; Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất ngày 18/12/2007.

[3.2.2] Tại điểm d, khoản 2, mục I của Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp giấy CNQSDĐ, quy định đối với những người hiện đang sử dụng đất nhưng không có giấy tờ hợp pháp, cần được xem xét khi tiến hành cấp giấy CNQSDĐ:

.....

d) Người sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, được chính quyền xã, phường, thị trấn xác nhận và làm đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

[3.2.3] Đối chiếu quy định trên thì ông L đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 81,76m<sup>2</sup>.

[3.2.4] Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của Công an tỉnh Lâm Đồng, thể hiện: Ngày 10/9/1996, Công an tỉnh Lâm Đồng có Công văn số 333/PV11, đề nghị được cấp giấy CNQSDĐ đối với 13 cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Ngày 04/12/1996, Sở Địa chính tỉnh Lâm Đồng có Công văn số: 1436/CV-ĐC về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số: 45/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng đối với diện tích 31.286,7m<sup>2</sup>, trong đó có diện tích 338,2m<sup>2</sup>, tại địa chỉ số 12 Y, phường 5, thành phố Đ; Mục đích sử dụng là đất chuyên dùng.

[3.2.5] Như vậy, UBND tỉnh Lâm đồng ban hành Quyết định số: 45/QĐ-UB và cấp Giấy CNQSDĐ số H 033396 cho Công an tỉnh Lâm Đồng là sau khi ông L đã sử dụng diện tích 81,76m<sup>2</sup> để làm nhà ở từ năm 1991; Đồng thời, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận này thì gia đình ông L đang sử dụng đất để ở, có một phần nằm trong diện tích 338,2m<sup>2</sup>, tại số 12 Y nêu trên nên Quyết định số: 45/QĐ-UB và giấy CNQSDĐ số H 033396 của UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng đối với phần diện tích 338,2m<sup>2</sup>, tại số 12 Y là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993 và Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính.

[4] Xét Giấy CNQSDĐ số AM 508330, thấy rằng:

[4.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ: Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là UBND thành phố Đà Lạt xác định trình tự, thủ tục thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, bà L đúng pháp luật là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Gia đình ông L, bà L sử dụng 81,76m<sup>2</sup> thuộc thửa 464, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ số 12 Y, trên đất ông L, bà L đã làm nhà cấp 4, diện tích 47,32m<sup>2</sup> từ năm 1991, mục đích để ở. Ông L và vợ là Nguyễn Thị Kim L, cùng các con Đậu Anh D, Đậu Thanh L đã ở tại số 12 Y theo Sổ hộ khẩu gia đình do Công an thành phố Đà Lạt cấp ngày 26/3/1990, cập nhật ngày 15/10/1993.

[4.2.2] Tại Sơ đồ vị trí lô đất mà ông L đề nghị cấp đất làm nhà ở có kích thước: 10m x 8m, được Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 26/4/2004 (bút lục 137), có nội dung: *“Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận Sơ đồ vị trí lô đất của đồng chí Đậu Bá L xin cấp để làm nhà ở nằm sau nhà 12 Y, hiện đã xây nhà tạm để ở quay về hướng đường T, cơ quan chúng tôi không quản lý. Kính chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết”*. Như vậy, mặc dù Công an tỉnh Lâm Đồng được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp giấy CNQSDĐ diện tích 338,25m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 12 Y theo Quyết định số 45/QĐ-UB nhưng thực tế đã không quản lý, sử dụng phần đất này và đã đồng ý để các cơ quan có thẩm quyền của thành phố Đà Lạt lập thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho ông L, bà L.

[4.2.3] Tại Đơn xin cấp đất làm nhà của ông L ngày 12/3/1991, gửi Ban Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, UBND phường 5, thành phố Đà Lạt và Phòng Xây dựng thành phố Đà Lạt (bút lục 138), có nội dung: Ông L đã khai phá lô đất trước đây bỏ hoang phía sau nhà 12 Y, đề nghị được cấp phần đất (khoảng trên 150m<sup>2</sup>) để làm nhà ở. Đơn được Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 16/3/1991, với nội dung: Xác nhận hoàn cảnh gia đình của đồng chí L theo đơn trình bày là đúng, đề nghị cấp trên giúp đỡ; Được Ban Chỉ huy Cảnh sát nhân dân - Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 02/4/1991, có nội dung: Xác nhận hoàn cảnh gia đình của đồng chí Đậu Bá L có khó khăn như đơn trình bày, đề nghị Ban Giám đốc và UBND phường 5 xem xét giải quyết, tạo điều kiện để đồng chí L yên tâm phấn đấu công tác; Được Công an tỉnh Lâm Đồng (do Phó Giám đốc thường trực Đại tá Trường Sơn) xác nhận ngày 13/4/1991, có nội dung: Công an tỉnh Lâm Đồng xét hoàn cảnh đồng chí Đậu Bá L trình bày trong đơn là đúng, đề nghị các cơ quan chức năng giúp đỡ và giải quyết theo đề nghị của đồng chí L; Được UBND phường 5 xác nhận ngày 16/4/1991, có nội dung: Đồng chí Đậu Bá L hiện đang công tác tại Sở Công an tỉnh Lâm Đồng, hiện nay gia đình chưa có nhà ở theo đơn xin cấp đất làm nhà. Khu đất đồng chí L xin nằm sau nhà số 12 Y trong vị trí nhà số 12. Vậy kính chuyển các cơ quan chức năng xem xét giải quyết. Như vậy, tại thời điểm làm đơn xin cấp đất làm nhà năm 1991

và đơn xin cấp giấy CNQSDĐ thì ông L chưa được cấp đất làm nhà ở theo quy định pháp luật.

[4.2.4] Theo Hòa đồ cấp giấy CNQSDĐ ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng (bút lục 158), thì diện tích cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng là 338,25m<sup>2</sup>, kích thước như sau: Chiều rộng đất giáp đường Y và T đều là 16,50m và chiều dài hai bên (giáp nhà 12 và 14) đều là 20,50m. Tại Hòa đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt lập ngày 31/3/2020 (bút lục 213), thể hiện: Chiều rộng, giáp đường Y là 20,49m (trong đó: Đất ông L đang sử dụng là 3,62m và đất do Công an tỉnh Lâm Đồng sử dụng là 16,78m); giáp đường T là 20,35m (trong đó: Đất ông L đang sử dụng là 6,51m và đất do Công an tỉnh Lâm Đồng sử dụng là 13,84m). Tổng diện tích do thực tế là 478,20m<sup>2</sup>, là dư so với 338,25m<sup>2</sup> được cấp theo Quyết định số 45/QĐ-UB.

[4.2.5] Như nội dung nêu tại mục [3] thì Quyết định số 45/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng là không đúng quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích 338,25m<sup>2</sup> đã cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng tại địa chỉ số 12 Yagout; Đồng thời, việc UBND thành phố Đà Lạt cho rằng Giấy CNQSDĐ số AM 508330 cấp cho ông L, bà L hoàn toàn nằm trong diện tích đã cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng cũng không phù hợp.

[4.2.6] Như vậy, Giấy CNQSDĐ số AM 508330 ngày 14/4/2008 là đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về đất đai nên hợp pháp. Việc UBND thành phố Đà Lạt cho rằng Giấy CNQSDĐ số AM 508330 cấp trùng với diện tích đã cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng tại số 12 Yagout và thuộc loại đất an ninh quốc phòng là không phù hợp với Quyết định số 45/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng và xác nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Lạt, tại Phiếu Thông tin địa chính ngày 28/01/2008, thể hiện: Diện tích 81,76m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 12 Y là loại đất quy hoạch đất ở.

[5] Xét Quyết định số 3346/QĐ-UBND, thấy rằng:

[5.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 3346/QĐ-UBND ban hành đúng Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ là có căn cứ.

[5.2] Về nội dung: Do giấy CNQSDĐ số AM 508330 ngày 14/4/2008 là hợp pháp; Quyết định số: 45/QĐ-UB cấp giấy CNQSDĐ cho Công an tỉnh Lâm Đồng đối với phần diện tích 338,2m<sup>2</sup>, tại số 12 Y là không hợp pháp nên việc UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 3346/QĐ-UBND, có nội dung thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSDĐ số AM 508330 là không đúng pháp luật.

[6] Xét Quyết định số 4282/QĐ-UBND, thấy rằng: Do Quyết định số 3346/QĐ-UBND là trái pháp luật nên Quyết định số 4282/QĐ-UBND, có nội dung bác khiếu nại của ông L, giữ nguyên Quyết định số 4282/QĐ-UBND cũng không đúng pháp luật.

[7] Ngoài ra, tại thời điểm thu hồi giấy CNQSDĐ cho đến hiện nay thì gia đình ông L vẫn đang sử dụng diện tích 81,76m<sup>2</sup> để ở nhưng các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Nội dung này đã được nêu tại Báo cáo số 216/BC-TTr ngày 28/9/2011 của Thanh tra thành phố Đà Lạt, UBND thành phố Đà Lạt có văn bản số 4600/UBND ngày 18/10/2011 đề nghị Công an tỉnh Lâm Đồng chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, xác minh hiện trạng nhà đất và lập phương án tính toán đền bù hỗ trợ thu hồi đất, tái định cư cho hộ ông L, bà L theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1171/TTg-KTN ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận số 249/KL-TU ngày 12/9/2008 của Tỉnh ủy Lâm Đồng. Nhưng cho đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thực hiện là ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không xem xét đầy đủ quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, thực tế sử dụng đất và các tình tiết khách quan của vụ án nhưng đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Ý kiến của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận. Ông L không phải chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2003; Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Đậu Bá L.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Bá L, hủy các quyết định hành chính:

3.1 Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc giải quyết khiếu nại của ông Đậu Bá L;

3.2 Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 508330 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 14/4/2008 cho ông Đậu Bá L, bà Nguyễn Thị L;

3.3 Một phần Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 12/12/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công an tỉnh Lâm Đồng, đối với phần diện tích 338,25m<sup>2</sup>, thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ số 12 Y, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 033396 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công an tỉnh Lâm Đồng ngày 28/4/1997, đối với phần diện tích 338,25m<sup>2</sup>, thuộc thửa 339, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ số 12 Y, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí:

4.1 *Án phí sơ thẩm:*

Ông Đậu Bá Lĩnh không phải chịu.

Ủy ban nhân dân tỉnh L, Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, mỗi đương sự phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

4.2 *Án phí phúc thẩm:* Ông Đậu Bá L không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (án BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Đức Phương**